

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Ánh

Ông Nguyễn Khắc Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh KonTum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2017/HSST ngày 26/4/2017, đối với bị cáo:

Trần Trung C., Sinh ngày 15/3/1993, tại Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT: thị trấn N.H, huyện C.P, tỉnh Gia Lai. Nơi ở hiện nay: thôn C.P 1, xã I.Ph, huyện C.P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 07/12, con ông: Trần Đức C. và bà: Đỗ Thị N. Tiền án, tiền sự: 02 tiền án. Ngày 01/11/2011, bị TAND huyện C.P, tỉnh Gia Lai kết án 27 tháng tù tại bản án số 33/2011/HSST về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Ngày 11/6/2013 chấp hành án xong trở về địa phương sinh sống. Ngày 30/10/2014, bị TAND huyện C.P, tỉnh Gia Lai kết án 15 tháng tù tại bản án số 48/2014/HSST về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 05/3/2015 chấp hành án xong trở về địa phương sinh sống.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2015 đến ngày 17/12/2015, ngày 28/11/2016 bị bắt theo lệnh truy nã. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 25/4/2017 của VKSND tỉnh Kon Tum thì bị cáo Trần Trung C. bị truy tố với hành vi phạm tội như sau:

Lúc 12 giờ 30 phút ngày 08/12/2015, tại phòng trọ số 1, số nhà 32 Nguyễn Sinh S., tổ 11, phường Q.Tr, tp. K.T, tổ công tác thuộc phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC47) – Công an tỉnh Kon Tum tiến hành kiểm tra hành chính đối với Trần Trung C., là đối tượng nghiện ma túy, trú tại thôn C.P1, xã I.Ph, huyện C.P, tỉnh Gia Lai, phát hiện, thu giữ 02 gói chất bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu số 01.

Tiến hành khám xét khẩn cấp, tại phòng trọ số 1, số nhà 32 Nguyễn Sinh S., tổ 11, phường Q.Tr, tp. K.T, phát hiện trong phòng ngủ có 03 gói chất bột màu trắng được thu giữ, niêm phong trong phong bì thư ký hiệu số 02.

Tại Kết luận giám định số 08/KLGĐ ngày 11/12/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

+ Toàn bộ chất rắn dạng bột màu trắng chứa trong hai gói giấy bạc màu trắng, ký hiệu M1.1; M1.2 được niêm phong trong bì thư ghi số “01” gửi giám định là chất ma túy, loại Hêroin. Có tổng trọng lượng đã trừ bì là: 0,054 gam.

+ Toàn bộ chất rắn dạng bột màu trắng chứa trong hai gói giấy bạc màu trắng, ký hiệu M2.1; M2.2 được niêm phong trong bì thư ghi số “02” gửi giám định là chất ma túy, loại Hêroin. Có tổng trọng lượng đã trừ bì là: 0,094 gam.

Tại Kết luận giám định số 25/C54C ngày 22/01/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

+ Chất rắn màu trắng (dạng bột và cục) chứa trong 01 túi nilong ký hiệu M1 có hàm lượng Hêroin là 79,1%.

+ Chất rắn màu trắng (dạng bột và cục) chứa trong 01 túi nilong ký hiệu M2 có hàm lượng Hêroin là 77,2%.

Quá trình điều tra, Trần Trung C. khai ngày 07/12/2015, C. gặp đối tượng tên Huy (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực chợ xã E.H., huyện E.H., tỉnh Đắk Lắk và được Huy cho 05 gói ma túy để sử dụng. Lúc 08 giờ ngày 08/12/2015, Nguyễn Văn L., trú tại phòng trọ số 1, nhà 32, đường Nguyễn Sinh S., tổ 11, phường Q.Tr, tp. K.T nhờ C. trông giúp phòng trọ. C. đồng ý và đem 05 gói ma túy đến phòng trọ của Lợi cất giấu trong phòng ngủ. Sau đó, C. lấy 02 gói ma túy ra sử dụng thì bị bắt quả tang.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có 02 tiền án, lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 07 năm tù. Về xử lý vật chứng đề nghị: trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Masster có vỏ màu đen đã qua sử dụng, tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì màu trắng mặt trước có chữ: CÔNG AN TỈNH KON TUM – PHÒNG PC54 số 08/KLGĐ, mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH KON TUM”.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Trung C. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra, và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã có cơ sở khẳng định:

Bị cáo Trần Trung C. đã có hành vi tàng trữ 02 gói bột màu trắng trên người (niêm phong trong phong bì thư ký hiệu số 01) và 03 gói chất bột màu trắng trong phòng ngủ tại phòng trọ số 1, số nhà 32 Nguyễn Sinh Sắc, tổ 11, phường Quang Trung, tp. Kon Tum (niêm phong trong phong bì thư ký hiệu số 02). Kết luận giám định số 08/KLGĐ ngày 11/12/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum và Kết luận giám định số 25/C54C ngày 22/01/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

+ Toàn bộ chất rắn dạng bột màu trắng chứa trong hai gói giấy bạc màu trắng, ký hiệu M1.1; M1.2 được niêm phong trong bì thư ghi số “01” gửi giám định là chất ma túy, loại Hêroin. Có tổng khối lượng đã trừ bì là: 0,054 gam, có hàm lượng Hêroin là 79,1%, khối lượng hêrôin là: $0,054 \text{ gam} \times 79,1\% = 0,0427 \text{ gam}$.

+ Toàn bộ chất rắn dạng bột màu trắng chứa trong hai gói giấy bạc màu trắng, ký hiệu M2.1; M2.2 được niêm phong trong bì thư ghi số “02” gửi giám định là chất ma túy, loại Hêroin. Có tổng khối lượng đã trừ bì là: 0,094 gam, hàm lượng Hêroin là 77,2%, khối lượng hêrôin là : $0,094 \text{ gam} \times 77,2\% = 0,0726 \text{ gam}$.

Tổng cộng Trần Trung C. đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,1153 gam hêrôin.

Bị cáo C. có 02 tiền án:

+ Ngày 01/11/2011, bị TAND huyện C.P, tỉnh Gia Lai kết án 27 tháng tù tại bản án số 33/2011/HSST về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 11/6/2013 chấp hành án xong trở về địa phương sinh sống.

+ Ngày 30/10/2014, bị TAND huyện C.P, tỉnh Gia Lai kết án 15 tháng tù tại bản án số 48/2014/HSST về tội “Trộm cắp tài sản” và bị áp dụng điểm g, khoản 1, Điều 48 thuộc trường hợp tái phạm. Ngày 05/3/2015 chấp hành án xong trở về địa phương sinh sống.

Tính đến ngày 08/12/2015, Trần Trung C. chưa được xóa án tích đối với bản án số 48/2014/HSST, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý).

Như vậy, đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Trần Trung C. có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy tại điểm p, khoản 2, Điều 194 BLHS năm 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Điều đó thể hiện công tác giáo dục cải tạo và tính hoàn lương của bị cáo còn hạn chế, bị cáo lại bỏ trốn, vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo bị cáo và để phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm này ở địa phương.

Tuy vậy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

So sánh quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) với Bộ luật hình sự năm 2015 thì cũng là tàng trữ trái phép Hêrôin từ 0,1 gam đến 05 gam thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, mức án tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là 07 năm đến 15 năm, nhưng, tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ từ 05 năm đến 10 năm. Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo nguyên tắc áp dụng điều luật có lợi khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về đối tượng tên “Huy” không rõ nhân thân lai lịch nên không thể xem xét được.

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Masster có vỏ màu đen đã qua sử dụng. Xét thấy Cường không dùng điện thoại này trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) phong bì màu trắng mặt trước có chữ: CÔNG AN TỈNH KON TUM – PHÒNG PC54 số 08/KLGĐ, mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH KON TUM” và có chữ ký người giao tại mép dán. Đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung C. phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng: điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **07 (bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2016, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ 08/12/2015 đến ngày 17/12/2015.

2. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự;*

- Trả lại cho bị cáo Trần Trung C. 01 (một) điện thoại di động hiệu Masster có vỏ màu đen đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) phong bì màu trắng mặt trước có chữ: CÔNG AN TỈNH KON TUM – PHÒNG PC54 số 08/KLGĐ, mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH KON TUM” và có chữ ký người giao tại nếp dán.

Các vật chứng nêu trên như được ghi tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/5/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh KonTum với Cục Thi hành án dân sự tỉnh KonTum.

3. Về án phí: *Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);*

- Buộc bị cáo Trần Trung C. phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: *Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/7/2017), bị cáo có quyền kháng cáo bản án này gửi lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND t. KonTum;
- CA t. KonTum;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thành Lê